TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 508/2018/DS-ST
Ngày 31-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 32/2B đường L, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Nguyễn L, sinh năm: 1970; Địa chỉ: 384/8B đường N, Phường T, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Minh N (Giấy ủy quyền số công chứng 00008899, quyển số: 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2018).

Bị đơn: Ông Phạm Tấn P, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 109 đường N, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 01 tháng 3 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Minh N có ông Hồ Nguyễn L làm đại diện trình bày:

Vào ngày 25/3/2017 giữa bà Trần Thị Minh N và ông Phạm Tấn P có ký hợp đồng vay tiền không có công chứng, chứng thực. Với nội dung thỏa thuận là bà N cho ông P vay số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất là 2%/tháng đóng vào ngày 25 hàng tháng. Cùng ngày 25/3/2017 bà Trần Thị Minh N và ông Phạm Tấn P ký tiếp hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng: 008292, Quyển số: 04 TP/VPCC-SCC/HĐGD.Với nội dung thỏa thuận là bà N cho ông P vay số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất: Hai bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật, tiền lãi ông P trả cho bà N một tháng một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng. Nguyên đơn xác nhận hai hợp đồng vay tiền trên được ký kết cùng một ngày và cùng 01 khoản vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, tiền lãi một tháng trả một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng. Ông P đã ngưng trả lãi từ ngày 26/8/2017 cho đến nay mặc dù bà N đã liên lạc nhắc nhở rất nhiều lần. Vào ngày 01/3/2018 bà N có yêu cầu Thừa phát lại Quận 8 tiến hành lập vi bằng ghi nhận việc bà N gửi văn bản thông báo đòi nợ đối với ông Phạm Tấn P (Vi bằng số 706/2018/VB-TPLQ8 ngày 01/3/2018). Nguyên đơn xác nhận đã nhận của ông Phạm Tấn P 05 tháng tiền lãi tính từ ngày 25/4/2017 đến ngày 25/8/2017, lãi suất là 2%/tháng tổng cộng số tiền là 60.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông P thanh toán số tiền nợ gốc là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý tính lại tiền lãi đã nhận 05 tháng tính từ ngày 25/4/2017 đến ngày 25/8/2017 theo quy định nhà nước và cấn trừ vào tiền gốc mà ông P phải trả cho bà N. Do vậy yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Phạm Tấn P thanh toán số tiền vốn là 588.000.000 (Năm trăm tám mươi tám triệu) đồng và tiền lãi suất là 1,5% tính từ ngày 26/8/2017 cho đến ngày tòa án xét xử tính tròn 14 tháng.

Bị đơn ông Phạm Tấn P đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp

hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị Minh N thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Phạm Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét 02 Hợp đồng vay tiền được ký kết cùng ngày 25/3/2017 giữa bà Trần Thị Minh N và ông Phạm Tấn P gồm: Hợp đồng vay tiền không có công chứng, chứng thực và Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng công chứng Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng: 008292, Quyển số: 04 TP/VPCC-SCC/HĐGD.

Hai hợp đồng trên đều thể hiện nội dung bên cho vay là bà Trần Thị Minh N cho bên vay là ông Phạm Tấn P vay số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng, trả lãi vào ngày 25 dương lịch hàng tháng. Hợp đồng vay tiền không có công chứng, chứng thực có thể hiện nội dung thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng công chứng Tân Phú thể hiện nội dung lãi suất hai bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn xác nhận hai hợp đồng vay tiền trên được ký kết cùng một ngày nhưng chỉ là 01 khoản vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, tiền lãi một tháng trả một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng.

Các tình tiết trên đây đã được Tòa án thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định bà Trần Thị Minh N có cho ông Phạm Tấn P vay số tiền là 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Ông P đã ngưng trả lãi từ ngày 26/8/2017 cho đến nay mặc dù bà N đã liên lạc nhắc nhở rất nhiều lần cũng như gửi văn bản thông báo đòi nợ nhưng ông P vẫn không thanh toán nợ là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã

ký kết. Nên bà Trần Thị Minh N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Tấn P thanh toán số tiền vốn còn thiếu là 588.000.000 (Năm trăm tám mươi tám triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất:

Nguyên đơn xác nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Tấn P đã trả 05 tháng tiền lãi tính từ ngày 25/4/2017 đến ngày 25/8/2017, lãi suất là 2%/tháng tổng cộng số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Lãi suất thỏa thuận giữa bà Trần Thị Minh N và ông Phạm Tấn P đã vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó số tiền lãi mà bà N đã nhận vượt quá lãi suất giới hạn quy định sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc mà ông P phải trả cho bà N, cụ thể:

Tiền lãi tính từ ngày 25/4/2017 đến tháng 25/8/2017: 600.000.000 đồng x (20%:12) x 5 tháng = 48.000.000 đồng.

Số tiền lãi mà bà N đã nhận vượt quá lãi suất giới hạn quy định là 60.000.000 đồng – 48.000.000 đồng = 12.000.000 đồng

Số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng - 12.000.000 đồng = 588.000.000 đồng

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông P trả tiền lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 26/8/2017 cho đến ngày tòa án xét xử tính tròn 14 tháng là 588.000.000 đồng x 1,5% x 14 tháng = 123.480.000 đồng

Do đó Tòa án buộc ông Phạm Tấn P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Minh N số tiền là 711.480.000 (Bảy trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng, trong đó số tiền nợ vốn là 588.000.000 (Năm trăm tám mươi tám triệu) đồng và tiền lãi là 123.480.000 (Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

[6] Ông Phạm Tấn P phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho bà Trần Thị Minh N. Bà Trần Thị Minh N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Minh N.

2. Buộc ông Phạm Tấn P phải thanh toán cho bà Trần Thị Minh N số tiền là 711.480.000 (Bảy trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng, trong đó số tiền vốn là 588.000.000 (Năm trăm tám mươi tám triệu) đồng và tiền lãi là 123.480.000 (Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Phạm Tấn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.459.200 (Ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn hai trăm) đồng.

Bà Trần Thị Minh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.200.000 (Mười lăm triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014359 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**